

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Lĩnh.

2/. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Phước T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông Tở rẻ và sinh sống cùng gia đình tôi, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng tương đối ổn định, có 03 người con chung nhưng khoảng 04 năm gần đây tính tình vợ chồng không hợp về lối sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường

xuân cờ bạc đá gà, đánh đề gây nợ, nhiều lần gia đình phải trả nợ cho ông T. Ông T thường xuân đòi tiền để tham gia cờ bạc, không có tiền thì ông T chửi bới, đòi bán nhà, đốt nhà, đe dọa vợ con. Ông thường lấy đồ đạc có giá trị trong nhà để bán. Gia đình có khuyên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1983, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 11/10/1989 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 11/10/1989. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Phước T đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Phước T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H thì bà H và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981. Căn cứ vào giấy khai sinh của chị Nguyễn Thị Thảo N là con ruột của ông T và bà H thì chị Nguyễn Thị Thảo N sinh năm 1983 và là con ruột của ông T, bà H . Ngoài ra tại “Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” của bà Lê Thị H ngày 10/5/2022 có xác nhận ông Trần Văn Đ là trưởng ấp M, xã M1, nơi bà H và ông T sinh sống từ trước đến nay cũng xác nhận bà H và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981. Như vậy, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng có đủ căn cứ xác định ông T và bà H sống chung với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và có đủ điều kiện kết hôn nên căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước T, bà H , ông T sống chung với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Phước T có nơi cư trú tại xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: Bà Htrình bày mâu thuẫn giữa bà và ông Tlà do ông Tthường xuyên cờ bạc gây nợ nhiều lần gia đình phải trả nợ. Ngoài ra, ông Tthường xuyên đòi tiền để tham gia cờ bạc, không có tiền thì ông Tchửi bới, đòi bán nhà, đốt nhà, đe dọa vợ con, thường lấy đồ đạc có giá trị trong nhà để bán.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T, ông Tmặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Từ lúc xảy ra mâu thuẫn đến nay, ông Tvà bà Hkhông có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, điều đó chứng tỏ bà Hvà ông Tđã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Hlà có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Hvà ông Tcó 03 con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1983, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 11/10/1989 và Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 11/10/1989. Hiện nay 03 con chung đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và tài sản chung: Bà Hvà ông Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do bà Hlà người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H được miễn án phí Hôn nhân sơ thẩm, trả lại bà H300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016174 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Phước T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang